

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

V/v: ban hành “Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo tín chỉ ở trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

- Căn cứ Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia Hà Nội được ban hành theo Quyết định số 600-TCCB ngày 01 tháng 10 năm 2001 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ Quyết định số 3413/ĐT ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học ở ĐHQG Hà Nội”;
- Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này *Quy định về tổ chức đào tạo đại học hệ chính quy theo tín chỉ ở trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.*
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2009. Quyết định này thay thế cho các Quyết định số 2345/XHNV-ĐT, ngày 24/9/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc ban hành Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo tín chỉ và Quyết định số 1101 QĐ/XHNV-ĐT, ngày 01/9/2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo tín chỉ ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ban hành theo Quyết định số 2345/XHNV-ĐT, ngày 24/9/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị, toàn thể cán bộ viên chức và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu HC-QT, ĐT.

GS.TS Nguyễn Văn Khánh

QUY ĐỊNH
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO TÍN CHỈ
Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
(ban hành theo Quyết định số 1289 QĐ/XHNV-ĐT, ngày 31/8/2009
của Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

CHƯƠNG 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này là sự cụ thể hóa *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* của Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội* về việc tổ chức quá trình đào tạo, kiểm tra – đánh giá và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đại học chính quy ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân các ngành khoa học xã hội và nhân văn:

2.1. Có lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức nghề nghiệp đúng đắn, trung thực trong khoa học; nhận thức đúng đắn về các giá trị xã hội và có thái độ ứng xử phù hợp với các giá trị đó; thể hiện rõ trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức cộng đồng.

2.2. Có kiến thức chuyên môn đủ sâu và rộng để hoạt động tốt trong lĩnh vực chuyên môn của mình, có khả năng áp dụng kiến thức vào hoạt động thực tế.

2.3. Có khả năng tự học và học tập suốt đời nhằm tự nâng cao năng lực cá nhân và đạt được thành công trong hoạt động chuyên môn; có kỹ năng tự tìm kiếm thông tin và kiến thức liên quan đến hoạt động chuyên môn; có khả năng tự đánh giá và thẩm định kiến thức hiện có của mình; hiểu và chấp nhận các điểm yếu, điểm mạnh của bản thân, nắm được phương pháp và chiến lược học tập phù hợp với bản thân; chủ động và linh hoạt trong việc thích ứng với những thay đổi của môi trường làm việc cũng như cuộc sống.

2.4. Có khả năng làm việc theo nhóm và làm việc độc lập; có kỹ năng giải quyết vấn đề một cách tích cực, sáng tạo và hiệu quả.

Đối với sinh viên tốt nghiệp hệ chất lượng cao, ngoài việc đảm bảo mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ như trên, sinh viên còn phải đáp ứng các yêu cầu: có kiến thức chuyên môn giỏi; có năng lực sáng tạo; có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp với các đồng nghiệp nước ngoài về chuyên môn và những vấn đề xã hội thông thường; có khả năng sử dụng tốt công cụ tin học, tài nguyên mạng để phục vụ công tác chuyên môn; có khả năng hòa nhập với các mô hình đào tạo bậc cao của các trường đại học tiên tiến trong khu vực và quốc tế.

Điều 3. Tuyển sinh

Trường tổ chức tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định về tuyển sinh của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Căn cứ chỉ tiêu được giao, Trường tổ chức tuyển chọn sinh viên cho các chương trình đào tạo chất lượng cao theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 4. Chương trình đào tạo

4.1. Chương trình giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là chương trình đào tạo) thể hiện mục tiêu giáo dục đại học, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục đại học, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo của giáo dục đại học.

4.2. Chương trình đào tạo cử nhân các ngành khoa học xã hội và nhân văn được xây dựng dựa trên các chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và hướng dẫn của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Các chương trình đào tạo được xây dựng, triển khai theo định hướng chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến trên thế giới, nhằm đáp ứng được mục tiêu đào tạo, vừa kế thừa đảm bảo mức độ ổn định cần thiết của các chương trình đào tạo đã được áp dụng trong thời gian

vừa qua, vừa có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời để đáp ứng nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của xã hội.

4.3. Chương trình đào tạo gồm 6 khối kiến thức: kiến thức chung, kiến thức toán và khoa học tự nhiên, kiến thức cơ bản của ngành hoặc nhóm ngành, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức thực tập và tốt nghiệp.

4.4 Các chương trình đào tạo đại học hiện hành:

a. Chương trình đào tạo chuẩn có khối lượng từ 120 đến 140 tín chỉ

b. Chương trình đào tạo chất lượng cao có khối lượng từ 150 đến 155 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chất lượng cao cơ bản dựa trên Chương trình đào tạo chuẩn hiện hành nhưng được bổ sung và nâng cao, nhằm đạt được hiệu quả tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng cao hơn. Chương trình này nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đạt trình độ chuẩn khu vực, từng bước được mở rộng áp dụng chung cho hệ đào tạo chuẩn, tiến tới đạt mục tiêu chất lượng cao đối với sinh viên trong tất cả các ngành đào tạo của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

c. Chương trình đào tạo đạt trình độ quốc tế là chương trình đào tạo chất lượng cao được quốc tế hoá hoặc chương trình đào tạo hợp tác với nước ngoài đạt trình độ quốc tế, có thời lượng từ 160 – 175 tín chỉ.

d. Chương trình đào tạo liên kết quốc tế là chương trình đào tạo của trường đại học nước ngoài có uy tín được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam và được tổ chức thực hiện dưới hình thức liên kết đào tạo với các trường đại học nước ngoài đó.

Điều 5. Tín chỉ học tập

5.1. *Tín chỉ* là đại lượng xác định khối lượng kiến thức, kỹ năng (trung bình) mà sinh viên tích lũy được từ môn học trong 15 giờ tín chỉ (cùng loại hoặc khác loại) được thực hiện mỗi tuần 01 giờ tín chỉ và kéo dài trong một học kỳ gồm 15 tuần. Trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng quyết định tổ chức giảng dạy loại tín chỉ ít hơn 15 tuần. *Tín chỉ* được sử dụng làm đơn vị để tích lũy khối lượng học tập của sinh viên.

5.2. *Giờ tín chỉ* là đại lượng được dùng làm đơn vị để đo thời lượng lao động học tập của sinh viên. Giờ tín chỉ được phân thành ba loại theo cơ cấu các hình thức dạy - học, định lượng thời gian và được xác định như sau:

a. *Giờ tín chỉ lên lớp*: gồm 1 tiết lên lớp và 2 tiết tự học.

b. *Giờ tín chỉ thực hành*: gồm 2 tiết thực hành và 1 tiết tự học.

c. *Giờ tín chỉ tự học*: gồm 3 tiết tự học.

Một tiết học được tính bằng 50 phút

5.3. Hình thức tổ chức giờ tín chỉ

Hình thức tổ chức giờ tín chỉ là cách tổ chức thực hiện các hoạt động của giảng viên và sinh viên theo quy định của đề cương môn học, trong đó coi trọng khâu tự học, năng lực nghiên cứu, thực tập, thực hành, thực tế nhằm tích lũy đủ khối lượng kiến thức theo yêu cầu của môn học.

Có các hình thức tổ chức giờ tín chỉ như sau:

a. *Lên lớp*: Sinh viên học tập trên lớp thông qua bài giảng, hướng dẫn của giảng viên tại lớp.

b. *Thực hành*: Sinh viên học tập thông qua thực hành, thực tập, làm thí nghiệm, làm bài tập, đọc và nghiên cứu tài liệu,... dưới sự trợ giúp trực tiếp của giảng viên.

c. *Tự học*: Sinh viên tự học tập, nghiên cứu theo hình thức cá nhân hoặc tổ/nhóm ở nhà, ở thư viện, trong phòng thí nghiệm,... theo kế hoạch, nhiệm vụ, nội dung do giảng viên giao, được kiểm tra - đánh giá và tích lũy vào kết quả học tập cuối cùng của môn học.

Điều 6. Môn học, đề cương môn học

6.1. Môn học là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Mỗi môn học có thời lượng tối thiểu là 02 tín chỉ và tối đa là 05 tín chỉ, được thực hiện trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi môn học phải gắn với một mức trình độ và được kết cấu riêng theo từng môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi môn học được ký hiệu bằng một mã riêng theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

6.2. Các loại môn học:

a. Theo tính chất của môn học, có 3 loại môn học:

- *Môn học lý thuyết*: Là môn học giảng viên và sinh viên làm việc trên lớp, bao gồm thuyết trình, chữa bài tập, thảo luận, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- *Môn học thực hành*: Là môn học sinh viên làm thực hành, thí nghiệm, khảo sát thực địa, làm việc trong phòng thí nghiệm, studio, diễn dã...

- *Môn học kết hợp lý thuyết và thực hành*: Là môn học có một phần giảng lý thuyết của giảng viên; một phần sinh viên làm thực hành, thí nghiệm, khảo sát thực địa, làm việc trong phòng thí nghiệm, studio ...

b. Theo yêu cầu tích lũy kiến thức, có các loại môn học:

- *Môn học bắt buộc* là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình đào tạo và bắt buộc mọi sinh viên phải tích lũy theo ngành đã lựa chọn.

- *Môn học tự chọn* là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức thể hiện tính đa dạng của mỗi chương trình đào tạo do sinh viên tự chọn theo hướng dẫn của đơn vị đào tạo hoặc tự chọn theo nguyện vọng cá nhân. Có 2 loại môn học tự chọn:

+ Môn học tự chọn bắt buộc là môn học có trong chương trình đào tạo mà sinh viên theo học, chứa đựng những nội dung kiến thức bổ trợ cần thiết của mỗi chương trình đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho mỗi chương trình đào tạo.

+ Môn học tự chọn tùy ý là môn học sinh viên đăng ký học theo nguyện vọng để tích lũy kiến thức, được ghi kết quả vào bảng điểm nhưng không được tính vào kết quả tích lũy của học kỳ và khóa học, không tính để xét học bổng, xét tốt nghiệp. Sinh viên có thể chọn môn học này ở trong chương trình đào tạo của ngành đã đăng ký học hoặc của ngành khác trong và ngoài trường.

- *Môn học tiên quyết* là môn học bắt buộc sinh viên phải tích lũy được trước khi đăng ký môn học khác có liên quan.

6.3. Đề cương môn học

Đề cương môn học phải cung cấp thông tin chủ yếu về nội dung và tổ chức dạy - học của môn học.

Đề cương môn học bao gồm:

- Thông tin về đơn vị đào tạo (tên trường, khoa, bộ môn,...).

- Thông tin về môn học (tên môn học, bắt buộc hay tự chọn, số lượng tín chỉ, loại giờ tín chỉ, các môn học tiên quyết,...).

- Thông tin về tổ chức dạy và học.

- Mục tiêu, nội dung cơ bản và phương pháp giảng dạy môn học.

- Giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo.

- Các yêu cầu và quy định về kiểm tra - đánh giá kết quả học tập.

- Một số thông tin liên quan khác theo quy định và hướng dẫn của ĐHQG Hà Nội.

Hàng năm, nội dung môn học, chuyên đề được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, hiện đại hóa phù hợp với trình độ phát triển khoa học, công nghệ và yêu cầu của thực tiễn. Việc điều chỉnh, bổ sung những nội dung cơ bản của môn học, chuyên đề phải được hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị đào tạo thông qua và lập thành hồ sơ lưu tại đơn vị đào tạo. Trên cơ sở đó, đề cương môn học cũng phải thay đổi cho phù hợp.

Điều 7. Học kỳ, năm học, khóa học, xác định năm đào tạo của sinh viên

7.1. Học kỳ

a. Học kỳ là thời gian để sinh viên hoàn thành một số môn học của chương trình đào tạo. Trong mỗi học kỳ có qui định khối lượng kiến thức tối thiểu sinh viên phải tích lũy.

b. Một học kỳ chính có 15 tuần thực học và kiểm tra định kỳ, 2 đến 3 tuần thi kết thúc môn học. Trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng quyết định tổ chức giảng dạy học kỳ chính ít hơn 15 tuần. Một học kỳ phụ có từ 5 đến 7 tuần thực học và kiểm tra định kỳ, 1 đến 2 tuần thi kết thúc môn học.

7.2. Năm học

Một năm học có hai học kỳ chính. Tùy theo điều kiện cụ thể, trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ dành cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được đăng ký học lại và những sinh viên khá, giỏi có điều kiện kết thúc sớm chương trình đào tạo.

7.3. Khóa học

a. Khóa học là thời gian chuẩn cần thiết để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo của một ngành nhất định.

b. Tùy theo khả năng học tập, sinh viên được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập, cụ thể như sau:

Hệ đào tạo	Thời gian thiết kế	Số tín chỉ cần tích lũy	Thời gian rút ngắn tối đa	Thời gian kéo dài tối đa
Chính quy chuẩn	8 học kỳ chính	120 – 140	2 học kỳ chính	4 học kỳ chính
Chất lượng cao	8 học kỳ chính	150 – 155	2 học kỳ chính	2 học kỳ chính

7.4. Xác định năm đào tạo của sinh viên

Việc xác định năm đào tạo của sinh viên dựa trên nguyên tắc tính số tín chỉ sinh viên đã tích lũy được, cụ thể như sau:

Năm đào tạo của sinh viên	Số tín chỉ tích lũy		
	Hệ chuẩn	Hệ chất lượng cao	Hệ đạt trình độ quốc tế
Năm thứ nhất	Dưới 35 tín chỉ	Dưới 40 tín chỉ	Dưới 43 tín chỉ
Năm thứ hai	35 – 69 tín chỉ	40 - 74 tín chỉ	43 – 86 tín chỉ
Năm thứ ba	70 – 104 tín chỉ	75-109 tín chỉ	87 – 129 tín chỉ
Năm thứ tư	105 – 140 tín chỉ	110 – 155 tín chỉ	130 – 175 tín chỉ

Việc xác định năm đào tạo của sinh viên được sử dụng để:

- Xét khen thưởng hàng năm
- Xét cấp học bổng tài trợ
- Xét chuyển đổi giữa hệ chuẩn và hệ chất lượng cao
- Xét học cùng lúc nhiều ngành, nhiều trường
- Xét cộng điểm thưởng nghiên cứu khoa học
- Xử lý vấn đề buộc thôi học

Điều 8. Thời gian học tập

8.1. Thời gian học tập chính thức trong ngày từ 07h00 đến 20h15.

8.2. Mỗi ngày bố trí 13 tiết học, được sắp xếp thời gian như sau:

Tiết	Bắt đầu	Kết thúc	Tiết	Bắt đầu	Kết thúc
1	7h00	7h50	8	14h25	15h15
2	7h55	8h45	9	15h25	16h15
3	8h55	9h45	10	16h20	17h10
4	9h55	10h45	11	17h30	18h20
5	10h50	11h40	12	18h25	19h15
6	12h30	13h20	13	19h25	20h15
7	13h25	14h15			

Buổi sáng từ tiết 1 đến tiết 5; buổi chiều từ tiết 6 đến tiết 10 và buổi tối từ tiết 11 đến tiết 13. Sau các tiết 1, 4, 6, 9 và 11, nghỉ giải lao 5 phút; sau các tiết 2, 3, 7, 8 và 12, nghỉ giải lao 10 phút.

8.3 Hàng tuần, theo thời khóa biểu, các lớp có 2 tiết học để sinh hoạt lớp, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên hoặc làm việc với cố vấn học tập. Riêng học kỳ đầu tiên của khóa học, Hiệu trưởng có quy định cụ thể về thời gian thực hiện các hoạt động trên.

CHƯƠNG 2 TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 9. Phân ngành đào tạo

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tuyển sinh đại học theo ngành học. Thí sinh đạt điểm xét tuyển quy định đối với ngành học mà mình đã đăng ký dự thi thì được xếp vào học theo đúng nguyện vọng.

Đối với những ngành học có phân chuyên ngành, sinh viên đăng ký học chuyên ngành theo quy định cụ thể của Hiệu trưởng đối với từng ngành đào tạo. Việc mở chuyên ngành trong các ngành đào tạo do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở nhu cầu thực tế của xã hội đối với nguồn nhân lực được đào tạo theo chuyên ngành đó; số lượng và chất lượng của đội ngũ giảng viên; năng lực tài chính của nhà trường.

Điều 10. Tổ chức lớp

10.1. Lớp khóa học

Lớp khóa học được tổ chức cho sinh viên trúng tuyển vào học cùng một ngành trong cùng một khoá học và ổn định từ đầu đến cuối mỗi khoá học, nhằm duy trì các hoạt động đoàn thể, các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá, thể thao; đồng thời để quản lý sinh viên trong quá trình học tập. Lớp khóa học có giáo viên chủ nhiệm lớp, *đồng thời là cố vấn học tập*, do khoa đào tạo phân công.

Lớp khóa học được gọi tên theo ngành và năm nhập học của sinh viên, được mã hóa theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

10.2. Lớp môn học

Lớp môn học được tổ chức cho các sinh viên đăng ký học cùng một môn học trong cùng một học kỳ. Lớp môn học có lớp trưởng do giảng viên phụ trách lớp môn học cử.

10.3. Số lượng sinh viên của lớp môn học:

a. Môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức toán và khoa học tự nhiên, khối kiến thức cơ bản của nhóm ngành có tối thiểu là 70 sinh viên/lớp môn học.

b. Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tối có thiểu là 60 sinh viên/lớp môn học.

c. Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ có số sinh viên tối thiểu là 10 và số sinh viên tối đa theo quy định tại đề cương môn học.

d. Môn học Giáo dục thể chất: giờ thực hành tối thiểu là 30 sinh viên/lớp môn học; giờ lý thuyết tối thiểu là 80 sinh viên/lớp môn học.

e. Môn học tin học và môn học ngoại ngữ có tối thiểu là 30 sinh viên/lớp môn học.

g. Môn học thực hành có tối thiểu là 25 sinh viên/lớp môn học.

h. Trường hợp đặc biệt, số lượng sinh viên lớp môn học do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đặc thù chuyên môn và đề nghị của chủ nhiệm khoa hoặc bộ môn trực thuộc.

Điều 11. Thông báo kế hoạch đào tạo cho sinh viên

11.1. Đầu khoá học, nhà trường thông báo:

a. Chương trình đào tạo của từng ngành học.

b. Quy chế đào tạo và các quy định có liên quan tới học tập, rèn luyện và sinh hoạt của sinh viên.

11.2. Chậm nhất 1 tháng trước khi học kỳ mới bắt đầu, nhà trường thông báo:

a. Thời khoá biểu lớp môn học dự kiến giảng dạy trong học kỳ gồm các thông tin sau: Mã môn học, tên môn học, số tín chỉ, tên lớp môn học, tiết học, phòng học, số sinh viên tối đa của lớp môn học và các ghi chú khác đối với việc đăng ký môn học;

b. Thời gian tổ chức đăng ký môn học của học kỳ;

c. Trường hợp có những môn học phải tổ chức giảng dạy gián cách năm do cán bộ giảng dạy môn học đó đi vắng hoặc vì các lý do khác, nhà trường thông báo cụ thể để sinh viên lưu ý cân nhắc trước khi đăng ký môn học. Việc đăng ký học các môn học này vẫn đảm bảo các quy định bình thường về điều kiện đăng ký môn học.

11.3. Riêng học kỳ đầu tiên của khóa học, sinh viên không đăng ký môn học mà học theo thời khóa biểu do nhà trường xếp cho từng lớp khóa học..

Điều 12. Xếp hạng học lực của sinh viên

12.1. Xếp hạng học lực của sinh viên theo điểm trung bình chung của học kỳ, là căn cứ để xác định khối lượng học tập sinh viên được đăng ký trong học kỳ kế tiếp theo quy định tại khoản 13.2. Trường hợp hạng học lực của sinh viên được xác định vào thời điểm sau khi sinh viên đã đăng ký môn học, sinh viên phải xin rút bớt môn học trong giới hạn khối lượng quy định.

12.2 Học lực của sinh viên được xếp thành 2 hạng sau:

- a. Hạng bình thường: Điểm trung bình chung học kỳ đạt từ 2.00 trở lên
- b. Hạng yếu: Điểm trung bình chung học kỳ dưới 2.00 nhưng chưa rơi vào trường hợp buộc thôi học hay tạm dừng học tập.

Điều 13. Đăng ký môn học

13.1. Đầu mỗi học kỳ, sinh viên phải tìm hiểu, nghiên cứu để nắm được chương trình đào tạo và đăng ký môn học sẽ học trong học kỳ đó. Đối với những sinh viên có môn học phải học lại, tổng số tín chỉ của học kỳ bao gồm số tín chỉ của các môn học lại và các môn học mới.

13.2. Số tín chỉ tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký học trong mỗi học kỳ chính (trừ học kỳ cuối cùng của khóa học) được quy định như sau:

- Đối với sinh viên hệ chuẩn thuộc diện học lực bình thường từ 14 tín chỉ trở lên.
- Đối với sinh viên hệ chuẩn thuộc diện học lực yếu từ 10 tín chỉ trở lên, nhưng không được phép đăng ký quá 18 tín chỉ.
- Đối với sinh viên hệ chất lượng cao từ 19 tín chỉ trở lên.
- Trong mỗi học kỳ phụ, sinh viên được phép đăng ký học không quá 8 tín chỉ.
- Trong trường hợp đặc biệt, sinh viên muốn đăng ký học ít hơn số tín chỉ tối thiểu thì phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng.

13.3. Đăng ký học lại, học cải thiện điểm

- Đối với các môn học bắt buộc, nếu điểm môn học là điểm F, sinh viên phải đăng ký học lại môn học đó.
- Đối với môn học tự chọn, nếu điểm môn học là điểm F, sinh viên đăng ký học lại môn học đó hoặc học đổi sang môn học tự chọn tương đương khác. Nếu sinh viên đăng ký môn học tự chọn khác để thay thế thì phải thực hiện việc hủy môn học tự chọn đã thi nhưng không đạt.
- Sinh viên được quyền đăng ký học cải thiện điểm đối với các môn học bị điểm D. Điểm cuối cùng của môn học này là điểm cao nhất đạt được của các lần đăng ký học.

13.4. Trong thời hạn quy định của trường, sinh viên đăng ký môn học bằng *Phiếu đăng ký môn học* hoặc đăng ký trực tuyến trên máy tính thông qua mạng nội bộ của trường hoặc internet. Hiệu trưởng quy định điều kiện, thủ tục, cách thức tổ chức và thời gian tổ chức đăng ký môn học của mỗi học kỳ.

13.5. Kết quả đăng ký môn học của sinh viên được thông báo ở "*Phiếu kết quả đăng ký môn học*". Trên phiếu kết quả đăng ký môn học của mỗi sinh viên ghi rõ mã số môn học, tên môn học, số tín chỉ, tên lớp môn học, tiết học, phòng học của mỗi môn học, số tiền học phí phải nộp và xác nhận những môn học được bảo lưu, tương đương (*nếu có*).

13.6. Mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức cho sinh viên đăng ký nhận đề tài khóa luận tốt nghiệp. Việc đăng ký này được tiến hành theo quy trình như với những môn học khác. Những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp theo quy định của nhà trường sẽ đăng ký tích lũy lượng kiến thức tương đương với 5 tín chỉ. Sinh viên không được rút bớt các môn học này sau khi đã đăng ký.

Điều 14. Bổ sung hoặc rút bớt các môn học sau khi đăng ký

14.1. Việc đăng ký thêm môn học chỉ được chấp thuận trong vòng 02 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu tiên của học kỳ phụ.

14.2. Việc rút bớt môn học so với khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp thuận từ đầu tuần thứ 7 đến hết tuần thứ 8 của học kỳ chính; hoặc từ đầu tuần thứ 3 đến hết tuần thứ 4 của học kỳ phụ. Môn học đã rút thì không được tính điểm chính thức, nhưng vẫn phải tính học phí và được ghi chú (điểm W) trong hồ sơ học tập của sinh viên. Ngoài thời hạn trên, môn học vẫn được giữ trong phiếu đăng ký môn học và nếu sinh viên không đi học thì bị coi như tự ý bỏ học và sinh viên phải nhận điểm không (0) đối với môn học đó.

14.3. Việc xin bổ sung hoặc rút bớt các môn học đã đăng ký ở đầu mỗi học kỳ phải tuân thủ theo các điều kiện sau:

- + Sinh viên viết đơn đề nghị theo mẫu do nhà trường quy định và gửi về Phòng Đào tạo;
- + Phải được cố vấn học tập chấp thuận;
- + Không vi phạm khoản 7.3.b của Quy định này.

Chỉ sau khi có giấy báo của Phòng Đào tạo cho giảng viên phụ trách môn học, sinh viên mới được phép đến dự hoặc bỏ lớp.

Điều 15. Về các môn học Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất

15.1. Chương trình đào tạo hệ chính quy bao gồm cả các môn học Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

15.2. Đối tượng được miễn, tạm hoãn học các môn học về Giáo dục quốc phòng:

a. Đối tượng được miễn học toàn bộ các môn học Giáo dục quốc phòng:

- Sinh viên nguyên là sĩ quan quân đội;
- Sinh viên là người nước ngoài;
- Sinh viên là người hưởng lương thuộc biên chế nhà nước được cơ quan cử đi học;
- Sinh viên đã có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng phù hợp với trình độ đào tạo.

b. Đối tượng được miễn các môn học thực hành về Giáo dục quốc phòng:

- Sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự phục vụ tại ngũ (có quyết định xuất ngũ);
- Sinh viên là tu sĩ thuộc các tôn giáo;

- Sinh viên có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên);

c. Đối tượng được tạm hoãn học các môn học về Giáo dục quốc phòng:

- Sinh viên đang học nhưng sức khỏe không đảm bảo;
- Sinh viên đang mang thai, nuôi con nhỏ dưới 24 tháng;
- Sinh viên có lý do đặc biệt về hoàn cảnh gia đình.

Các đối tượng trên nếu được Hiệu trưởng chấp thuận cho tạm hoãn học các môn học về Giáo dục quốc phòng thì khi hết thời hạn tạm hoãn sinh viên phải tiếp tục học những nội dung còn thiếu trong chương trình quy định.

15.3. Đối tượng được miễn, tạm hoãn học các môn học về Giáo dục thể chất:

a. Đối tượng được miễn học toàn bộ các môn học về Giáo dục thể chất:

Sinh viên đã hoàn thành các môn học về Giáo dục thể chất phù hợp với trình độ đào tạo.

b. Đối tượng được miễn các môn học thực hành về Giáo dục thể chất:

Sinh viên có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên).

c. Đối tượng được tạm hoãn học các môn học về Giáo dục thể chất:

- Sinh viên đang học nhưng sức khỏe không đảm bảo;
- Sinh viên đang mang thai, nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi.

Các đối tượng trên nếu được Hiệu trưởng chấp thuận cho tạm hoãn học các môn học về Giáo dục thể chất thì sau khi hết thời hạn tạm hoãn phải tiếp tục học những nội dung còn thiếu trong chương trình quy định.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền lợi của sinh viên

16.1. Trách nhiệm của sinh viên

a. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy chế đào tạo và các quy định của nhà trường liên quan đến học tập, rèn luyện và sinh hoạt của sinh viên.

b. Đăng ký môn học theo mỗi học kỳ. Theo dõi phản hồi về kết quả đăng ký môn học tại Phòng Đào tạo hoặc văn phòng đơn vị đào tạo. Nếu có thắc mắc về nội dung của phiếu kết quả đăng ký môn học, sinh viên phải làm việc ngay với Phòng Đào tạo trong thời gian quy định để giải quyết kịp thời.

c. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu học tập môn học được quy định trong đề cương môn học của môn học đó.

d. Nâng cao ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu và thường xuyên liên hệ với giảng viên, cố vấn học tập để được tư vấn, hỗ trợ về vấn đề tự học, tự nghiên cứu.

e. Kịp thời phản ánh với cố vấn học tập, giảng viên môn học, khoa và các phòng, ban chức năng về những vấn đề liên quan đến quá trình giảng dạy và phục vụ giảng dạy của giảng viên và cán bộ nhà trường, quá trình học tập của sinh viên.

f. Tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội theo quy định của nhà trường.

g. Đóng đầy đủ các khoản lệ phí, học phí theo quy định của nhà trường; những trường hợp không đóng học phí của học kỳ nào thì coi như tự ý bỏ học trong học kỳ đó.

16.2. Quyền lợi của sinh viên:

a. Được nhận vào học đúng ngành nghề đã đăng ký và trúng tuyển.

b. Nếu trường có chỉ tiêu tuyển sinh đi học nước ngoài theo các hiệp định của nhà nước, sinh viên có nguyện vọng và có đủ điều kiện quy định, được quyền đăng ký vào diện dự tuyển đi học nước ngoài theo quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c. Được sử dụng thư viện, trang thiết bị và các phương tiện phục vụ học tập, thí nghiệm, nghiên cứu khoa học để nâng cao trình độ theo quy định của trường.

d. Sinh viên được khuyến khích học theo chương trình cá nhân, học vượt, học cùng một lúc ở nhiều ngành, nhiều trường theo quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi công nhận tốt nghiệp của các bậc học quy định và được tham gia nghiên cứu khoa học, các cuộc thi Olympic sinh viên.

e. Trong thời gian học tập, sinh viên được hưởng quyền lợi vật chất và tinh thần theo chế độ chính sách hiện hành của nhà nước và được nhận các loại học bổng khuyến khích do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ.

f. Sinh viên được nhà trường phổ biến nội quy, quy chế về học tập, thực tập, về chế độ, chính sách của nhà nước có liên quan đến sinh viên; được đóng góp ý kiến với Hiệu trưởng về mục tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo; được đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Hiệu trưởng để giải quyết các vấn đề có liên quan đến cá nhân và tập thể sinh viên như học tập, môi trường đào tạo, sinh hoạt và các mặt hoạt động của đời sống tinh thần.

g. Sinh viên được chăm lo, bảo vệ sức khỏe theo chế độ hiện hành của nhà nước.

h. Sinh viên được quyền cử đại diện vào hội đồng khen thưởng và kỷ luật, hội đồng xét học bổng và các hội đồng khác của trường có liên quan đến sinh viên. Sinh viên được khuyến khích và tạo điều kiện hoạt động trong các tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam; tham gia các tổ chức tự quản của sinh viên, các hoạt động xã hội có liên quan ở trong và ngoài trường, các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục, thể thao lành mạnh, phù hợp với mục tiêu đào tạo của trường.

i. Khi tốt nghiệp đạt loại giỏi, nếu có nguyện vọng, sinh viên được nhà trường xem xét học chuyển tiếp ở các cấp, bậc học cao hơn theo quy chế tuyển sinh hiện hành của các cấp, bậc học tương ứng.

j. Hàng năm, sinh viên được nghỉ hè, nghỉ tết, nghỉ lễ theo quy định.

k. Sinh viên được quyền xin thôi học hoặc nghỉ học có thời hạn vì lý do cá nhân (hoàn cảnh gia đình khó khăn, sức khỏe, đi học tự túc ở nước ngoài, ...). Trong các trường hợp này sinh viên phải làm đơn trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

l. Kết thúc khoá học, sinh viên đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp được nhà trường cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

m. Được nhà trường cung cấp đầy đủ các giấy tờ cần thiết (bằng tốt nghiệp, bảng điểm toàn khoá học, hồ sơ sinh viên, giấy giới thiệu tìm việc làm và giới thiệu về nơi cư trú chính thức...) và các hỗ trợ cần thiết trong quá trình tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

Điều 17. Trách nhiệm và quyền lợi của cố vấn học tập

17.1. Giảng viên, giáo viên chủ nhiệm lớp, chuyên viên các phòng ban có nghĩa vụ thực hiện trách nhiệm của cố vấn học tập theo quy định của nhà trường.

17.2. Trách nhiệm của cố vấn học tập kiêm giáo viên chủ nhiệm lớp bao gồm:

a. Tổ chức cho sinh viên tìm hiểu những vấn đề căn bản của chương trình đào tạo (mục tiêu, cấu trúc của chương trình đào tạo và hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo) để sinh viên xây dựng được chiến lược học tập của bản thân trong toàn khoá học.

- b. Hướng dẫn sinh viên nắm rõ Quy chế đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội, quy định đào tạo của nhà trường, quy trình đăng ký môn học và các quy định khác.
- c. Tư vấn cho sinh viên đăng ký môn học, lập kế hoạch học tập.
- d. Hướng dẫn sinh viên về các nguồn học liệu và phương pháp tiếp cận học liệu.
- e. Hướng dẫn cho sinh viên tìm hiểu về cơ cấu tổ chức của nhà trường, các địa chỉ giải quyết công việc liên quan đến quyền lợi của sinh viên.
- f. Hàng tháng tổ chức gặp mặt sinh viên theo quy định của nhà trường và nộp báo cáo tình hình sinh viên được giao nhiệm vụ quản lý cho Phòng Đào tạo.
- g. Cuối mỗi học kỳ, báo cáo về tình hình sinh viên được giao quản lý theo hướng dẫn của nhà trường; đề xuất giải pháp giải quyết những vấn đề liên quan đến công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên, công tác quản lý đào tạo và quản lý sinh viên.
- h. Chịu trách nhiệm báo mật thông tin về kết quả học tập của sinh viên theo quy định của trường.
- i. Căn cứ nhu cầu của sinh viên được giao quản lý, cố vấn học tập xử lý ngay nếu có thể, hoặc hẹn gặp sinh viên để giải quyết trong thời gian không quá 7 ngày, kể từ lúc nhận được yêu cầu. Nội dung giải quyết được ghi vào “Sổ tay Cố vấn học tập”.

17.3 Quyền lợi của cố vấn học tập kiêm giáo viên chủ nhiệm lớp

- a. Giảng viên là cố vấn học tập phụ trách lớp học được giảm số giờ dạy định mức theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.
- b. Cố vấn học tập được bố trí thời gian để tham gia các khóa tập huấn nghiệp vụ cố vấn học tập do nhà trường tổ chức.

17.4. Hiệu trưởng quy định cụ thể về trách nhiệm và quyền lợi của các nhóm cố vấn học tập khác.

Điều 18. Trách nhiệm và quyền lợi của giảng viên

18.1. Trách nhiệm của giảng viên:

a. Giảng viên là viên chức chuyên môn đảm nhiệm việc giảng dạy và đào tạo của nhà trường hoặc là cán bộ kiêm nhiệm, cộng tác viên có đủ các điều kiện để tham gia giảng dạy theo hợp đồng giảng dạy với nhà trường.

Ngoài việc thực hiện các quy định hiện hành tại *Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng và quản lý cán bộ, viên chức trong Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*, giảng viên còn có các nhiệm vụ sau:

- Nắm vững quy chế đào tạo, các quy định và hướng dẫn của nhà trường về công tác đào tạo theo tín chỉ.
- Chuẩn bị bài giảng nghiêm túc, giảng dạy theo đúng đề cương môn học đã được phê duyệt. Quản lý sinh viên của lớp môn học trong các giờ học và các hoạt động giảng dạy khác. Quyết định về điều kiện thi kết thúc môn học của sinh viên đối với từng trường hợp cụ thể.
- Sử dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến và phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ để đảm bảo truyền thụ cho sinh viên nội dung môn học, phát triển năng lực nhận thức và kỹ năng ở bậc cao, rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy sáng tạo.
- Cung cấp danh mục các tài liệu tham khảo, hướng dẫn sinh viên về mục tiêu và phương pháp đọc tài liệu tham khảo, tổ chức thảo luận, thực hành và các hoạt động chuyên môn khác.
- Hướng dẫn cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu ở nhà và phải có hình thức kiểm tra, kiểm soát và đánh giá kết quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.
- Có trách nhiệm tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học theo phân công của khoa trong kế hoạch giảng dạy hàng năm.
- Ra đề thi, chấm thi và trả bài thi theo đúng thời gian quy định.
- Thực hiện quy định của nhà trường về việc nhập điểm thành phần, điểm thi hết môn học và việc quản lý hồ sơ môn học
- Tham gia công tác giáo viên chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập và các công việc khác theo sự phân công của chủ nhiệm khoa.

b. Trợ giảng là cán bộ mới được nhà trường tuyển dụng ngạch giảng viên nhưng đang trong giai đoạn tập sự hoặc là học viên cao học, nghiên cứu sinh của trường được bộ môn chuyên môn phân công tham gia giảng dạy. Trợ giảng có các nhiệm vụ sau:

- Dự giờ giảng của giảng viên trong bộ môn hoặc trong khoa.
- Soạn bài giảng theo sự phân công của chủ nhiệm bộ môn và người hướng dẫn.
- Tham gia tổ chức và quản lý lớp môn học theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia giảng dạy một số nội dung của môn học do giảng viên yêu cầu.
- Tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thực tập, thực tế.
- Tham gia công tác coi thi.
- Tham gia công việc khác do khoa, bộ môn phân công.
- Thực hiện các quy định của nhà trường về lộ trình học tập và rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn.

18.2. Quyền lợi của giảng viên và trợ giảng

Quyền lợi của giảng viên và trợ giảng được quy định theo các điều khoản hiện hành của bản *Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng và quản lý cán bộ, viên chức trong Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn* và *Quy chế đào tạo đại học* hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 19. Sinh viên bị buộc thôi học và cảnh cáo học vụ

19.1. Sinh viên bị buộc thôi học nêu thuộc vào một trong những trường hợp sau:

- a. Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt dưới 1,10 đối với 2 học kỳ liên tiếp;
- b. Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai; dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;
- c. Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ, hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường;
- d. Không đăng ký môn học của cả học kỳ mà không báo cáo;
- e. Tự ý nghỉ học từ một học kỳ chính trở lên không xin phép;
- f. Không đóng học phí theo đúng thời gian quy định của trường
- g. Đã hết thời hạn tối đa của khóa học quy định tại khoản 7.3, điều 7 của Quy định này.

19.2 Sinh viên sẽ bị cảnh cáo học vụ nếu vi phạm vào một trong các quy định dưới đây:

- a. Trong một học kỳ tích lũy ít hơn 10 nhưng chưa tới mức bị buộc thôi học. Thời hạn cảnh cáo học vụ với trường hợp này được thực hiện trong học kỳ kế tiếp. Trong học kỳ này, sinh viên phải đăng ký học lại các môn đã học nhưng chưa tích lũy.
- b. Không thực hiện đúng quy định của nhà trường trong việc sử dụng tài khoản đăng nhập hệ thống cổng thông tin sinh viên, tài khoản thư điện tử do nhà trường cấp hoặc quy định về việc đăng ký môn học từ 3 lần trở lên. Sinh viên bị cảnh cáo học vụ tới lần thứ 2 sẽ bị buộc thôi học.

19.3 Sinh viên thuộc diện buộc thôi học được nhà trường thông báo về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú và gia đình sinh viên biết chậm nhất một tháng sau khi có quyết định buộc thôi học.

Điều 20. Nghỉ học tạm thời

20.1. Điều kiện nghỉ học tạm thời

Sinh viên được quyền viết đơn xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

- a. Được động viên vào lực lượng vũ trang.
- b. Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;
- c. Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở đơn vị đào tạo và phải đạt điểm trung bình chung các môn học tính từ đầu khóa học không dưới 2.00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân không quá 36 tháng và được tính vào thời gian tối đa được phép học quy định tại Điều 8 của Quy định này.

20.2. Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp phải có đơn gửi đơn vị đào tạo ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới hay năm học mới.

Điều 21. Về việc học cùng lúc nhiều ngành, nhiều trường

21.1 Từ năm học thứ hai trở đi, sinh viên xếp hạng học lực từ 2.00 trở lên có thể đăng ký học thêm ngành học thứ hai với các quy định sau:

a. Thời hạn tối đa để hoàn thành ngành học thứ hai là khi thời hạn tối đa dành cho ngành học thứ nhất (tại Điều 7 của Quy định này) kết thúc. Khi học ngành học thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những môn học có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương đã tích lũy trong chương trình đào tạo của ngành học thứ nhất.

b. Sinh viên phải dừng học ngành học thứ hai ở năm học tiếp theo nếu điểm trung bình chung trong năm học đó thuộc một trong hai ngành học bị xếp loại yếu.

c. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp ngành học thứ hai sau khi đã tốt nghiệp ngành học thứ nhất.

21.2 Có hai phương thức cho sinh viên đăng ký học ngành thứ hai

a. Chỉ tiêu tuyển sinh ngành thứ hai nằm trong chỉ tiêu đào tạo được giao. Sinh viên đăng ký học ngành thứ hai sẽ được nhà trường xem xét trên cơ sở chỉ tiêu đào tạo được giao và đảm bảo số sinh viên thuộc diện này không vượt quá 10% tổng số sinh viên hiện đang theo học ngành đó.

b. Chỉ tiêu tuyển sinh thuộc các đề án đào tạo ngành thứ hai do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

Điều 22. Tích lũy điểm môn học tự học hoặc đã học ở cơ sở đào tạo đại học khác

22.1. Nếu được Hiệu trưởng cho phép, sinh viên có thể tự học hoặc học tại một cơ sở đào tạo đại học khác trong hoặc ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội một số môn học trong chương trình đào tạo, nhưng việc tích lũy điểm môn học phải tuân thủ các quy định sau:

- Đối với môn học thuộc khối kiến thức chung phải thi kết thúc môn học tại một đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội có tổ chức giảng dạy môn học đó;

- Đối với môn học thuộc các khối kiến thức còn lại phải thi kết thúc môn học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

- Hiệu trưởng quy định danh mục môn học sinh viên có thể tự học hoặc học tại cơ sở đào tạo khác ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội.

22.2. Sinh viên được Đại học Quốc gia Hà Nội cử đi học tập ở trường đại học đối tác nước ngoài có thể được miễn học những môn học đã tích lũy ở nước ngoài. Hiệu trưởng quyết định việc miễn học và chuyển đổi kết quả học tập ở nước ngoài thay thế cho các môn học thuộc chương trình đào tạo của đơn vị. Sinh viên phải học bổ sung những môn học không được miễn.

Hiệu trưởng quy định cụ thể về việc công nhận môn học tích lũy ở trường đại học đối tác nước ngoài.

Điều 23. Điều kiện để được chuyển trường

23.1. Sinh viên đang học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn nếu có nguyện vọng thì được chuyển đi học tại cơ sở đào tạo đại học khác khi được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai trường.

23.2. Sinh viên đang học tại một cơ sở đào tạo khác được chuyển về học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn nếu có đủ các điều kiện sau:

a. Trường xin chuyển đi có cùng ngành đào tạo ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

b. Kết quả thi đại học phải đạt điểm chuẩn của ngành chuyển đến trong cùng năm tuyển sinh.

c. Có từ 80% trở lên số môn học đã tích lũy ở trường xin chuyển đi có cùng nội dung và có số tín chỉ hoặc thời lượng tương đương không nhỏ hơn so với các môn học tương ứng của ngành đào tạo thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

d. Có điểm trung bình chung học tập của các môn học trước đó đạt từ 2,50 trở lên, không có môn học nào có kết quả dưới điểm D. Đối với những môn học còn thiếu điểm tích lũy, sinh viên phải học bổ sung.

e. Tham dự kiểm tra kiến thức và đạt điểm theo quy định của trường. Hiệu trưởng quy định và thông báo công khai các môn học kiểm tra, nội dung, hình thức kiểm tra và khả năng tiếp nhận.

g. Được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai trường.

23.3. Sinh viên được đặc cách xét chuyển về học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Đã từng là thành viên của đội tuyển quốc gia tham dự kỳ thi Olympic quốc tế hoặc đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12 về môn học phù hợp với ngành học và thỏa mãn các điểm c, d và g, khoản 22.2 của điều này.

b. Có điểm trung bình chung học tập của các môn học trước đó đạt từ 3,20 trở lên và thỏa mãn các mục b, c, d và g, khoản 22.2 của điều này

23.4. Sinh viên không được phép chuyển đến Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Không đáp ứng điều kiện dự tuyển vào Đại học Quốc gia Hà Nội theo Quy chế đào tạo đại học hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội

b. Bản thân đã dự thi tuyển sinh vào ngành đào tạo tương ứng của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn nhưng không trúng tuyển, hoặc trúng tuyển vào ngành tương ứng của trường chuyển đi với số điểm thấp hơn điểm trúng tuyển vào ngành tương ứng của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn trong cùng năm tuyển sinh.

c. Đang học năm thứ nhất hoặc năm cuối khoá của trường đang đào tạo theo niên chế, hoặc chưa tích lũy đủ 1/4 hoặc đã tích lũy đủ 3/4 tổng số tín chỉ sinh viên phải tích lũy của chương trình đào tạo tại trường đang đào tạo theo học chế tín chỉ.

d. Đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

23.5. Sinh viên xin chuyển trường phải có hồ sơ xin chuyển trường theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Quy chế hiện hành về công tác học sinh, sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp hệ chính quy.

Điều 24. Sinh viên học dự thính

24.1. Sinh viên học dự thính là những đối tượng có nguyện vọng được theo học một số môn học ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, có các văn bằng, chứng chỉ phù hợp và được Hiệu trưởng ra quyết định tiếp nhận sinh viên học dự thính.

24.2. Sinh viên học dự thính được cấp giấy chứng nhận về các môn đã học nếu thực hiện đủ các quy định về đào tạo của trường nhưng không được công nhận là sinh viên chính thức của trường. Sinh viên học dự thính không được làm khóa luận tốt nghiệp hoặc tích lũy khối lượng kiến thức tương đương

24.3. Sinh viên học dự thính phải thực hiện đầy đủ các quy định về đăng ký môn học như sinh viên hệ chính quy.

24.4. Sinh viên học dự thính phải đóng đầy đủ các khoản học phí, lệ phí theo quy định của trường.

CHƯƠNG 3

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Điều 25. Đánh giá kết quả học tập của môn học

25.1. Việc kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên gồm 2 hình thức:

a. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên là hoạt động của giảng viên sử dụng các phương pháp đánh giá khác nhau theo các hình thức tổ chức thực hiện giờ tín chỉ (lí thuyết, thảo luận, thực hành, thí nghiệm, hoạt động theo nhóm, tự học, tự nghiên cứu, ...) nhằm kiểm tra việc làm chủ kiến thức và rèn luyện kỹ năng của sinh viên đã được xác định trong mục tiêu của môn học.

b. Kiểm tra - đánh giá định kỳ là hoạt động của giảng viên vào những thời điểm đã được qui định trong đề cương môn học, nhằm đánh giá mức độ đạt mục tiêu môn học ở giai đoạn tương ứng của sinh viên.

25.2. Việc lựa chọn hình thức kiểm tra - đánh giá thường xuyên, định kỳ và trọng số của các điểm đánh giá thường xuyên, định kỳ do giảng viên đề xuất, được chủ nhiệm khoa (hoặc bộ môn trực thuộc) phê duyệt và phải được quy định trong đề cương môn học.

25.3. Bài thi kết thúc môn học được thực hiện bằng các hình thức:

a. Thi viết, trắc nghiệm khách quan trên giấy hoặc trên máy vi tính với thời gian từ 60 phút đến 120 phút;

b. Vấn đáp;

c. Làm tiểu luận, báo cáo thực tập;

d. Kết hợp các hình thức trên.

25.4. Điểm đánh giá một môn học (gọi là điểm môn học) bao gồm:

a. Điểm kiểm tra – đánh giá thường xuyên có trọng số không lớn hơn 25% tổng điểm môn học;

b. Điểm kiểm tra – đánh giá định kỳ có trọng số không ít hơn 25% tổng điểm môn học;

c. Điểm thi kết thúc môn học có trọng số không ít hơn 50% tổng điểm của môn học.

25.5. Môn học có điểm từ D trở lên được coi là môn học tích lũy, số tín chỉ của môn học này được tính là số tín chỉ tích lũy.

25.6. Hiệu trưởng quy định cụ thể về việc giảng viên nộp kết quả điểm thành phần trước khi thi kết thúc môn học

Điều 26. Điểm chưa đủ dữ liệu để đánh giá (I)

26.1. Vì những lý do chính đáng, sinh viên không thể dự kiểm tra định kỳ hoặc thi kết thúc môn học được xem xét giải quyết cho nhận điểm I (*điểm chưa đủ dữ liệu để đánh giá*).

26.2. Trước khi tổ chức các kỳ thi, kiểm tra ít nhất 5 ngày, sinh viên phải nộp đơn trình bày rõ lý do không thể dự thi (trừ những trường hợp đột xuất, bất khả kháng) cùng các giấy tờ xác nhận cần thiết cho Phòng Đào tạo để được xem xét.

26.3. Cán bộ giảng dạy phụ trách môn học, khoa và Phòng Đào tạo sẽ xem xét và quyết định sinh viên có được điểm I hay không. Nếu không được chấp thuận, sinh viên sẽ bị điểm không (0) cho môn học đó.

26.4. Nếu nhận điểm I, trong vòng 2 học kỳ tiếp theo, sinh viên phải đăng ký thi lại các nội dung thi, kiểm tra còn thiếu của môn học đó. Sau khi thi, điểm I sẽ được đổi thành điểm mà sinh viên đạt được. Ngược lại, qua hai kỳ, nếu sinh viên không đăng ký thi lại thì điểm I sẽ bị đổi thành điểm không (0).

Điều 27. Điểm bảo lưu (R), điểm tương đương (M)

27.1. Sinh viên đã thi đạt yêu cầu một môn học ở một trường đại học nào đó trong thời gian không quá 5 năm, nếu muốn xin miễn học môn học đó, cần phải làm đơn kèm theo xác nhận (*số tiết học/số tín chỉ và điểm*) gửi về Phòng Đào tạo của trường cùng thời điểm đăng ký môn học đó. Nếu được chấp thuận thì môn học đó sẽ được điểm mà sinh viên đã đạt và kèm theo chữ “bảo lưu” (R). Phòng Đào tạo có trách nhiệm thông báo kết quả xét bảo lưu trong “Phiếu kết quả đăng ký môn học” gửi sinh viên vào đầu học kỳ.

27.2. Trong trường hợp sinh viên đã đạt được kết quả cho một môn học nào đó ở cơ sở đào tạo khác mà điểm cụ thể không tương thích với hệ điểm của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, sinh viên phải làm đơn kèm xác nhận của cơ sở đào tạo đó gửi về Phòng Đào tạo để xem xét. Phòng Đào tạo sẽ quy định điểm tương đương bằng số và kèm ký hiệu (M) để phân biệt với loại điểm mà sinh viên tích lũy được bằng cách thi. Nếu muốn nhận điểm cao hơn điểm tương đương (điểm M) nói trên, sinh viên phải đăng ký thi môn học đó.

27.3. Điểm R và điểm M không được tính vào điểm trung bình chung học kỳ nhưng được tính vào điểm trung bình tích lũy của học kỳ đó.

27.4. Số tín chỉ của các điểm R và điểm M không được tính vào số tín chỉ đạt được của học kỳ và không được tính để xét học bổng, nhưng được tính vào số tín chỉ tích lũy đến thời điểm đó.

Điều 28. Đánh giá kết quả học tập sau mỗi học kỳ

28.1. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các môn học mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng môn học (*không tính điểm M, điểm R*).

28.2. Điểm trung bình chung tích lũy của mỗi học kỳ hay của năm học, khóa học là điểm tính theo kết quả thi của các môn học đạt từ điểm D trở lên mà sinh viên đã đăng ký học tại trường (*kể cả các điểm M, điểm R*).

28.3. Kết quả học tập của học kỳ phụ (*nếu có*) được tính chung vào học kỳ kế liền trước đó.

28.4. Không tính kết quả thi các môn học Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất vào điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy. Việc đánh giá kết quả và điều kiện cấp chứng chỉ đối với các môn học này theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

28.5 Điểm trung bình chung học tập sau từng học kỳ, từng năm học (*không tính điểm M, điểm R*) dùng để xét học bổng, khen thưởng.

28.6. Điểm trung bình trung tích lũy là điểm trung bình của các môn học đã được tích lũy từ đầu khóa học cho đến thời điểm được xem xét. Điểm trung bình trung tích lũy dùng để xét phân loại kết quả học tập của khóa học, xét tốt nghiệp, xét buộc thôi học, xét học cùng một lúc ở nhiều ngành, nhiều trường.

Điều 29. Cách tính điểm bộ phận, điểm thi kết thúc môn học, điểm trung bình chung học kỳ

29.1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

29.2. Điểm môn học là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:	A + (9,0 – 10,0)	Giỏi
	A (8,5 – 8,9)	
	B + (8,0 – 8,4)	Khá
	B (7,0 – 7,9)	
	C + (6,5 – 6,9)	Trung bình
	C (5,5 – 6,4)	
	D (4,0 – 5,4)	Trung bình yếu
b) Loại không đạt:	F (dưới 4,0)	Kém

c) Đối với những môn học chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I	Chưa đủ dữ liệu đánh giá.
X	Chưa nhận được kết quả thi

d) Đối với những môn học được đơn vị đào tạo cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

29.3 Việc xếp loại các mức điểm A+, A, B+, B, C+, C, D, F áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Những môn học mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

29.4. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số, làm tròn đến 1 số thập phân như sau:

A+	tương ứng với 4,0
A	tương ứng với 3,7
B+	tương ứng với 3,5
B	tương ứng với 3,0
C+	tương ứng với 2,5
C	tương ứng với 2,0
D	tương ứng với 1,0

F tương ứng với 0,0

29.5. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình tích lũy của mỗi học kỳ hay của năm học, khóa học được làm tròn đến 2 số thập phân. Công thức tính như sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

- A là điểm trung bình chung
- a_i là điểm môn học của môn học thứ i
- n_i là số tín chỉ của môn học thứ i
- N là tổng số môn học

29.6. Xếp loại kết quả học tập

a. Loại đạt xếp loại

- Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

b. Loại không đạt xếp loại: Dưới 2,00

Điều 30. Tổ chức các kỳ thi kết thúc môn học

30.1. Mỗi học kỳ chỉ tổ chức một kỳ thi kết thúc môn học gọi là kỳ thi chính và một kỳ thi bổ sung dành cho sinh viên chưa dự kỳ thi chính vì lý do khách quan được phòng Đào tạo công nhận.

30.2. Trong mỗi kỳ thi, từng môn học được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học trong cùng một buổi thi của một sinh viên.

30.3. Thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học tỷ lệ thuận với số tín chỉ của môn học đó, ít nhất là nửa ngày cho mỗi tín chỉ. Hiệu trưởng quy định thời gian học ôn và thi. Không tổ chức thi ngoài các kỳ thi đã thông báo.

30.4. Sinh viên không được dự thi kết thúc môn học do chưa đóng đủ học phí hoặc bỏ thi không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm không (0).

30.5. Đề thi kết thúc các môn học thuộc khối kiến thức chung, kiến thức toán và khoa học tự nhiên, kiến thức cơ bản của nhóm ngành được lấy từ ngân hàng đề thi do Phòng Đào tạo quản lý; đề thi kết thúc các môn học thuộc các khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành và nghiệp vụ do cán bộ giảng dạy các môn học đó xây dựng và do các khoa, bộ môn trực thuộc quản lý. Đề thi kết thúc môn học được xây dựng có nội dung phù hợp với đề cương môn học đã công bố và được chủ nhiệm khoa hoặc chủ nhiệm bộ môn duyệt. Hiệu trưởng quy định cụ thể về quy trình và cách thức xây dựng đề thi từ ngân hàng đề thi.

30.6. Việc tổ chức thi, xử lý vi phạm kỷ luật thi, chấm thi kết thúc môn học được thực hiện theo “*Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội*”.

30.7. Các bảng điểm thi kết thúc môn học phải được thực hiện theo mẫu chung của trường, phải có chữ ký của các cán bộ chấm thi và phải được gửi về Phòng Đào tạo, chậm nhất là 7 ngày sau khi thi.

30.8. Đối với các môn học tổ chức thi theo hình thức vấn đáp, kết quả thi kết thúc môn học phải được giảng viên thông báo ngay cho sinh viên sau khi kết thúc buổi thi. Đối với các môn học còn lại, kết quả thi kết thúc môn học được thông báo công khai đến từng sinh viên chậm nhất là 15 ngày sau mỗi kỳ thi. Sinh viên nhận kết quả thi kết thúc môn học qua việc truy cập tài khoản cá nhân do nhà trường cấp.

30.9. Hiệu trưởng quy định cụ thể về việc tổ chức đánh giá khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương của sinh viên.

Điều 31. Điều kiện dự thi kết thúc môn học

31.1. Sinh viên được dự thi kết thúc môn học nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

a. Có mặt trên lớp hoặc tại nơi thực hành, thực tập không dưới 80% thời gian quy định cho môn học đó.

b. Hoàn thành các điểm kiểm tra – đánh giá thường xuyên, định kỳ và các yêu cầu khác của môn học được quy định cụ thể trong đề cương môn học do giảng viên công bố khi bắt đầu môn học. Trường hợp sinh viên tự ý bỏ giờ kiểm tra định kỳ hoặc điểm kiểm tra – đánh giá thường xuyên bị điểm 0 (không), sinh viên không được dự thi hết môn học.

c. Đóng đầy đủ, đúng hạn học phí theo quy định của trường.

31.2. Trường hợp sinh viên chưa dự kiểm tra – đánh giá định kỳ vì lý do chính đáng và có đủ minh chứng đúng quy định, được giảng viên tổ chức kỳ kiểm tra bổ sung để sinh viên có đủ điều kiện thi kết thúc môn học. Thời gian và hình thức tổ chức kỳ kiểm tra bổ sung do giảng viên quyết định và ghi rõ các trường hợp này trong bảng điểm thành phần khi nộp cho Phòng Đào tạo.

Điều 32. Chấm phúc tra

32.1. Sinh viên có quyền đề nghị chấm phúc tra kết quả thi kết thúc môn học. Đơn đề nghị phúc tra kết quả thi phải được gửi đến Phòng Đào tạo trong vòng 3 ngày kể từ ngày công bố kết quả. Tất cả các đề nghị chấm phúc tra đều phải đóng lệ phí do trường quy định. Thời gian chấm phúc tra không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của sinh viên.

32.2. Sau khi chấm phúc tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì chủ nhiệm khoa hoặc trưởng Phòng Đào tạo phải đề nghị một cán bộ thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng phải do chủ nhiệm khoa (hoặc bộ môn trực thuộc) ký xác nhận mới được công bố. Điểm sau phúc tra là kết quả cuối cùng của môn học.

Điều 33. Cấp và chứng thực bằng điểm

- Trong quá trình học tập, nếu sinh viên có nhu cầu được cấp bằng điểm phải nộp lệ phí. Việc chứng thực bằng điểm cho sinh viên có nhu cầu được thực hiện tại Phòng Đào tạo. Sinh viên phải nộp lệ phí chứng thực bằng điểm theo quy định của nhà trường.

- Cuối khoá học, sinh viên được cấp bằng điểm toàn khoá và không phải nộp lệ phí.

CHƯƠNG 4

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

Điều 34. Các hình thức nghiên cứu khoa học của sinh viên

Nghiên cứu khoa học của sinh viên là hoạt động quan trọng, cần thiết trong quá trình đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học, bao gồm các hình thức sau đây:

- Tham gia câu lạc bộ khoa học sinh viên, xêmina chuyên đề khoa học, báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học; công bố các bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành.

- Tham gia khảo sát thực địa, thực nghiệm khoa học, thực hiện khoá luận tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu, triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học vào thực tiễn.

Điều 35. Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức và quản lý công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên: triển khai nghiên cứu, tổ chức hội nghị khoa học sinh viên, đánh giá và khen thưởng hàng năm công tác nghiên cứu khoa học sinh viên của Trường.

Cán bộ giảng dạy có trách nhiệm tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học theo phân công của khoa trong kế hoạch giảng dạy hàng năm. Cán bộ giảng dạy hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được tính giờ chuẩn theo quy định hiện hành.

Điều 36. Điểm thưởng nghiên cứu khoa học của sinh viên

Công trình nghiên cứu khoa học sinh viên đạt giải được thưởng điểm. Điểm thưởng được cộng vào điểm trung bình chung học tập mở rộng của học kỳ để làm căn cứ xét học bổng, xét tốt nghiệp, xét chuyển tiếp vào bậc sau đại học và các quyền lợi khác. Mức thưởng điểm được quy định như sau:

36.1 Đạt giải thưởng cấp Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Giải nhất: 0,20 điểm

Giải nhì: 0,15 điểm

Giải ba: 0,10 điểm

Giải khuyến khích:	0,07 điểm
36.2 Đạt giải thưởng cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc:	
Giải nhất:	0,10 điểm
Giải nhì:	0,07 điểm
Giải ba:	0,05 điểm

36.3. Trong học kỳ hoặc năm học, nếu sinh viên đạt nhiều giải thưởng nghiên cứu khoa học ở các cấp (Trường, Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo) thì chỉ được cộng điểm thưởng một lần ở mức giải cao nhất. Trong suốt khoá học, nếu sinh viên đạt nhiều giải thưởng nghiên cứu khoa học thì chỉ được cộng điểm thưởng một lần ở mức giải cao nhất vào điểm trung bình chung học tập mở rộng của toàn khoá học.

Nếu công trình do nhiều người cùng làm thì điểm thưởng được chia đều cho số người cùng tham gia.

Điều 37. Chuyển đổi kết quả nghiên cứu khoa học thành kết quả học tập

37.1. Công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên được thực hiện trong thời gian sinh viên hoàn thành niên luận hoặc tiểu luận thì kết quả nghiên cứu khoa học có thể được coi như kết quả của niên luận hoặc tiểu luận.

37.2. Công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên có thể thay cho một môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nghiệp vụ và được tích lũy vào kết quả học tập chung của học kỳ, của năm học cũng như của toàn khoá.

37.3. Việc chuyển đổi các kết quả được thực hiện nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

- Được hội đồng cấp khoa đánh giá cho điểm (quy về thang điểm 10) và quy định thay cho niên luận, tiểu luận, hoặc một môn học tự chọn cụ thể trong chương trình đào tạo của ngành học;
- Sinh viên có nguyện vọng.

CHƯƠNG 5 HỌC PHÍ VÀ HỌC BỔNG

Điều 38. Cách tính học phí

38.1. Học phí thu theo số tín chỉ của các môn học mà sinh viên đăng ký học trong mỗi học kỳ.

38.2. Số học phí sinh viên cần nộp được tính theo công thức:

$$M = a * \sum_{i=1}^k \alpha_i * n_i$$

- a* : Mức học phí /1 tín chỉ
α_i : Hệ số học phí của môn học thứ *i*
n_i : Số tín chỉ của môn học thứ *i*
k : Tổng số môn học

38.3. Hàng năm, Hiệu trưởng quy định hệ số học phí của môn học cho tất cả các ngành đào tạo và mức học phí /1 tín chỉ.

38.4. Mức miễn, giảm học phí/1 tín chỉ được quy đổi tương đương từ mức miễn, giảm học phí trên cơ sở các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Đại học Quốc gia Hà Nội, trước thời điểm bắt đầu học kỳ mới 1 tháng. Việc miễn, giảm học phí được tính ngay khi sinh viên đăng ký môn học.

38.5. Cách tính học phí như trên được áp dụng cả đối với các môn học lại, các môn học của sinh viên học dự thính. Sinh viên không được miễn, giảm học phí khi đăng ký học các lớp môn học này.

Điều 39. Đóng học phí

39.1. Việc thu học phí được thực hiện theo thông báo của Phòng Kế hoạch - Tài vụ của trường, bắt đầu từ tuần thứ 4 của mỗi học kỳ. Sinh viên có thể nộp học phí một lần cho cả học kỳ hoặc nộp theo từng tháng nhưng phải hoàn thành trước tuần thứ 15 của học kỳ.

39.2. Sinh viên chưa hoàn thành việc nộp học phí trước thời hạn quy định sẽ bị đưa ra khỏi danh sách sinh viên của lớp môn học trong học kỳ đó và không được tham dự kỳ thi kết thúc môn học.

39.3. Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí phải hoàn thành thủ tục theo quy định của nhà trường và nộp về Phòng Đào tạo chậm nhất là trong tuần thứ 3 của học kỳ.

39.4. Sinh viên có nguyện vọng được nợ học phí cần làm đơn, có xác nhận của chủ nhiệm khoa (hoặc bộ môn trực thuộc) và nộp về Phòng Kế hoạch – Tài vụ chậm nhất là 3 tuần trước khi hết hạn nộp học phí để được xem xét. Chậm nhất là 7 ngày sau khi nhận đơn của sinh viên, Phòng Kế hoạch – Tài vụ phải thông báo cho sinh viên biết quyết định của Hiệu trưởng về việc cho phép nợ học phí, trong đó có ghi rõ hạn cuối sinh viên phải nộp học phí nhưng không quá thời gian kết thúc học kỳ đó.

Sau 01 ngày làm việc kể từ khi hết hạn nộp học phí, Phòng Kế hoạch – Tài vụ phải lập danh sách sinh viên không được dự thi kết thúc môn học do chưa nộp học phí và thông báo cho Phòng Đào tạo.

Điều 40. Xử lý nợ học phí

Tới thời hạn cuối cùng phải đóng học phí của mỗi học kỳ, sinh viên còn nợ học phí được đưa vào danh sách sinh viên tạm nghỉ học từ học kỳ tiếp theo. Sinh viên có tên trong danh sách này sẽ bị Phòng Đào tạo xóa kết quả đăng ký môn học của học kỳ tiếp theo và khoá tài khoản đăng ký môn học. Ngay sau khi sinh viên nộp đủ học phí còn nợ, Phòng Kế hoạch – Tài vụ phải thông báo cho Phòng Đào tạo để mở lại tài khoản đăng ký môn học cho sinh viên.

Điều 41. Học bổng

41.1. Học bổng được xét cấp cho sinh viên của tất cả các khóa theo từng ngành trong 8 học kỳ, bắt đầu từ học kỳ thứ 2.

41.2. Điều kiện để xét, cấp học bổng cho sinh viên:

a. Tích lũy trong một học kỳ ít nhất là 15 tín chỉ (đối với hệ chuẩn) và 19 tín chỉ (đối với hệ chất lượng cao). Không áp dụng điều kiện này với học kỳ cuối cùng của khoá học.

b. Có điểm trung bình chung học kỳ trước đó từ 2.50 trở lên, không có điểm môn học là điểm D tính theo kết quả thi kết thúc môn học lần thứ nhất.

c. Không bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên.

d. Đạt điểm rèn luyện từ loại khá trở lên. Không áp dụng điều kiện này với học kỳ cuối cùng của khoá học.

41.3. Thời gian tạm dừng học tập, thời gian kéo dài khoá học và thời gian học lấy bằng thứ hai không được xét cấp học bổng;

41.4. Quỹ học bổng, chỉ tiêu học bổng, mức học bổng được xác định theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

CHƯƠNG 6

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO HỆ CỬ NHÂN CHẤT LƯỢNG CAO

Điều 42. Tuyển chọn

Sinh viên đã trúng tuyển vào Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được phép đăng ký dự tuyển vào học tại chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao của các ngành có cùng khối thi, không phân biệt ngành đăng ký dự thi ban đầu. Trường hợp sinh viên trúng tuyển vào ngành có cùng khối thi thuộc đơn vị đào tạo khác trong Đại học Quốc gia Hà Nội muốn đăng ký dự tuyển vào học chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn phải được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị đào tạo đó.

42.1. Những sinh viên thuộc diện được dự tuyển:

- Là thành viên đội tuyển quốc gia tham dự kỳ thi Olympic quốc tế về môn học phù hợp với ngành học;

- Là học sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia về môn học phù hợp với ngành học và tốt nghiệp trung học phổ thông từ loại khá trở lên;

- Tốt nghiệp hệ trung học phổ thông chuyên của các trường đại học hoặc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Có kết quả học tập 3 năm liền ở bậc trung học phổ thông đạt loại giỏi trở lên;
- Đạt kết quả cao trong thi tuyển sinh đại học;
- Đạt yêu cầu của kỳ kiểm tra trình độ ngoại ngữ đối với sinh viên dự tuyển hệ chất lượng cao.

42.2. Hiệu trưởng quyết định phương thức tuyển chọn theo một trong các hình thức sau:

- Xét tuyển :

Việc xét tuyển được thực hiện với những sinh viên đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ theo những tiêu chí với thứ tự ưu tiên như sau: Đạt giải trong kỳ thi Olympic quốc tế; tham dự kỳ thi Olympic quốc tế; đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia; tốt nghiệp trung học phổ thông loại giỏi; có kết quả học tập cao ở bậc trung học phổ thông; tốt nghiệp hệ trung học phổ thông chuyên; đạt kết quả cao trong thi tuyển sinh đại học.

- Thi tuyển:

Nội dung thi là những kiến thức chuyên môn và ngoại ngữ phù hợp được nhà trường thông báo khi thí sinh trúng tuyển nhập học.

- Kết hợp cả hai hình thức trên.

Điều 43. Chuyển đổi sinh viên hệ chất lượng cao

43.1. Sinh viên vi phạm một trong các điểm sau đây không được tiếp tục học chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao và phải chuyển sang học tại ngành đào tạo tương ứng theo chương trình đào tạo hệ chuẩn:

- Tích lũy dưới 19 tín chỉ/học kỳ trong 4 học kỳ đầu tiên của khóa học.
- Có điểm thi kết thúc môn học của một môn học nâng cao hoặc bổ sung, đạt dưới điểm D;
- Có điểm trung bình chung tích lũy của năm học dưới 2.50;
- Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức khiển trách trở lên.

43.2. Sinh viên của chương trình đào tạo hệ chuẩn đáp ứng các điều kiện dưới đây được xét chuyển vào học hệ chất lượng cao:

- Tích lũy ít nhất 19 tín chỉ/học kỳ trong 4 học kỳ đầu tiên của khóa học;
- Điểm thi của các môn học tương ứng với các môn học nâng cao của chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao phải đạt từ điểm B trở lên;
- Có điểm trung bình chung tích lũy của năm học trước đó từ 3.00 trở lên;
- Có tư cách đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật tốt;
- Những sinh viên có thành tích nghiên cứu khoa học đạt từ giải 3 cấp trường trở lên được ưu tiên khi xét tuyển.

43.3 Căn cứ danh sách sinh viên đủ điều kiện tiếp tục học hệ chất lượng cao và danh sách sinh viên đủ điều kiện xét chuyển từ hệ chuẩn vào hệ chất lượng cao, Nhà trường duyệt danh sách sinh viên hệ chất lượng cao cho học kỳ kế tiếp theo thứ tự từ cao xuống thấp của điểm trung bình chung học kỳ cho đến hết chỉ tiêu.

Điều 44. Tổ chức lớp khóa học và lớp môn học

- Sinh viên hệ chất lượng cao được tổ chức và quản lý theo lớp khóa học độc lập với lớp khóa học của sinh viên hệ chuẩn.

- Đối với các môn học nâng cao và bổ sung, sinh viên hệ chất lượng cao được tổ chức lớp môn học và thi kết thúc môn học riêng, độc lập so với sinh viên hệ chuẩn. Đối với các môn học còn lại, sinh viên được phép đăng ký học và thi cùng sinh viên hệ chuẩn.

- Đối với các môn học thuộc khối kiến thức cơ bản chung trùng với môn học mà sinh viên đã đạt giải quốc gia, quốc tế, sinh viên có thể đăng ký tự học. Sau khi được Hiệu trưởng đồng ý, sinh viên có thể không lên lớp thường xuyên, nhưng phải dự thi tích lũy môn học.

Điều 45. Sử dụng điểm các môn học nâng cao, bổ sung.

Điểm các học phần, môn học nâng cao, bổ sung được quy đổi để ghi vào bảng điểm và xếp loại học tập đối với những sinh viên chuyển sang học hệ chuẩn hoặc để làm căn cứ xét học bổng, xét chuyển tiếp sinh sau đại học và các quyền lợi khác theo công thức sau:

- Các điểm (trước khi quy đổi sang hệ điểm chữ) từ 3 đến 9 được tăng lên 1 điểm;

- Các điểm 0, 1, 2 và 10 giữ nguyên.

Sau khi quy đổi, điểm của môn học đó được chuyển đổi sang hệ điểm chữ.

Điều 46. Phương pháp giảng dạy và học tập

Việc tổ chức giảng dạy và học tập cho sinh viên hệ chất lượng cao phải ưu tiên đáp ứng các yêu cầu sau:

- Sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy tích cực nhằm phát huy tính chủ động khám phá tri thức ở các bậc nhận thức cao.

- Tăng cường hình thức tự học, học theo nhóm.

- Rèn luyện phương pháp học đại học và phương pháp học môn học, phương pháp trình bày, diễn đạt các ý tưởng khoa học.

- Tổ chức xemina chuyên môn ở các năm cuối; tăng cường phương pháp học tập theo kiểu nghiên cứu nhằm phát triển khả năng tư duy độc lập, sáng tạo.

- Chú trọng các giờ học thực hành, thực tập, thực tiễn; kết hợp học tập với nghiên cứu khoa học để nâng cao hiệu quả tiếp thu môn học. Chậm nhất từ học kỳ thứ tư, mỗi sinh viên được một giảng viên có trình độ khoa học cao hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

- Tạo điều kiện cho sinh viên nghe giảng bằng ngoại ngữ đối với một số môn học, nhất là các môn chuyên đề; sử dụng trực tiếp các giáo trình, tài liệu bằng tiếng nước ngoài song song với các giáo trình, tài liệu tiếng Việt.

- Tạo điều kiện cho sinh viên sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin và các trang thiết bị hiện đại khác.

Điều 47. Điều kiện nhận đề tài khoá luận tốt nghiệp

Sinh viên được nhận đề tài khoá luận tốt nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện dưới đây:

47.1. Hoàn thành từ 90% trở lên các môn học của chương trình đào tạo (không tính thời lượng tốt nghiệp)

47.2. Đạt từ điểm B trở lên đối với tất cả các môn học nâng cao.

47.3. Có đề cương đề tài khoá luận tốt nghiệp được thủ trưởng đơn vị quản lý ngành đào tạo đồng ý giao thực hiện đề tài

Điều 48. Yêu cầu về khoá luận tốt nghiệp

48.1. Đề tài khoá luận phải đặt mục đích giải quyết một vấn đề có ý nghĩa lý luận hoặc thực tiễn trong lĩnh vực khoa học liên quan.

48.2. Khoá luận cần tổng hợp, phân tích và đánh giá được nhiều tài liệu khoa học mới (tiếng Việt và tiếng nước ngoài) liên quan đến vấn đề mà đề tài khoá luận đặt ra để giải quyết.

48.3. Kết quả khoá luận phải do sinh viên tự thực hiện với sự hướng dẫn của thầy, phải chứa đựng yếu tố mới và sáng tạo, đảm bảo độ chính xác và tin cậy cao, trình bày mạch lạc, rõ ràng, đáp ứng được tiêu chuẩn đối với bài được công bố trên tạp chí khoa học hoặc báo cáo ở hội nghị khoa học.

48.4. Có bản tóm tắt nội dung bằng ngoại ngữ gồm ít nhất là 2 trang khổ A4. Khuyến khích sinh viên viết khoá luận tốt nghiệp bằng ngoại ngữ.

48.5. Hội đồng chấm khoá luận tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc thủ trưởng đơn vị đào tạo được Hiệu trưởng ủy quyền ra quyết định thành lập. Mỗi khoá luận có 2 người nhận xét phân biện.

Điều 49. Giảng viên dạy các lớp môn học nâng cao

49.1. Giảng viên dạy các lớp môn học nâng cao là những nhà giáo có uy tín khoa học, có kinh nghiệm giảng dạy, có học vị từ tiến sĩ trở lên. Trong trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng sẽ quyết định cụ thể về giảng viên dạy lớp môn học nâng cao.

49.2. Ngoài nhiệm vụ và quyền lợi đã được quy định trong Quy định này, giảng viên dạy các lớp nâng cao còn được hưởng các quyền lợi và tuân thủ nghĩa vụ đã ghi trong “Quy định về đào tạo cử nhân tài năng, chất lượng cao ở Đại học Quốc gia Hà Nội”.

Điều 50. Quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên hệ chất lượng cao

Ngoài những quyền lợi và nghĩa vụ chung đối với sinh viên hệ đại học chính quy đã được quy định trong Quy định này, sinh viên hệ đào tạo cử nhân chất lượng cao còn được hưởng các

quyền lợi và tuân thủ nghĩa vụ đã ghi trong “Quy định về đào tạo cử nhân tài năng chất lượng cao ở Đại học Quốc gia Hà Nội”.

CHƯƠNG 7

TÍCH LŨY KHỐI KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 51. Tích lũy khối kiến thức tốt nghiệp

51.1. Sinh viên được phép đăng ký thực hiện tích lũy khối kiến thức tốt nghiệp theo một trong các hướng sau:

- Làm khóa luận tốt nghiệp.

- Học và thi một số môn học chuyên môn: Sinh viên không được giao làm khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số môn học chuyên môn thay thế nếu chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

51.2. Hiệu trưởng quy định cụ thể về quy trình giao đề tài và chấm khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên; về tổ chức học và thi các môn học chuyên môn thay thế.

51.3. Nếu có bất kỳ thay đổi nào về việc quy định thời lượng và phương thức thực hiện khối kiến thức tốt nghiệp, Phòng Đào tạo có trách nhiệm thông báo đến sinh viên trước khi học kỳ mới bắt đầu 01 tháng.

51.4. Sinh viên chỉ được đăng ký hoàn thành khối kiến thức tốt nghiệp khi đã tích lũy được 90% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo theo ngành học của mình (*trừ số tín chỉ của khối kiến thức tốt nghiệp*).

51.5. Kết quả khối kiến thức tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 10 ngày sau khi sinh viên nộp khóa luận hoặc bản báo cáo kết quả nghiên cứu.

51.6. Sinh viên bảo vệ khóa luận bị điểm F thì phải thực hiện tích lũy lại khối kiến thức tốt nghiệp ở các học kỳ kế tiếp theo những yêu cầu và quy định về khối kiến thức tốt nghiệp của học kỳ tương ứng. Việc tổ chức chấm thi và công bố kết quả khối kiến thức tốt nghiệp cho những sinh viên này được thực hiện như ở học kỳ chính thức.

Điều 52. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

52.1. Điều kiện xét tốt nghiệp.

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét tốt nghiệp:

a. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên tính đến thời điểm xét tốt nghiệp.

b. Đã tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho mỗi ngành đào tạo. Điểm trung bình chung tích lũy từ 2.00 trở lên đối với hệ chuẩn hoặc 2.50 trở lên đối với hệ chất lượng cao

c. Có trình độ tiếng Anh tối thiểu đạt 4.0 IELTS đối với đào tạo hệ chuẩn, 5.5 IELTS đối với đào tạo chất lượng cao hoặc tương đương đối với các thứ tiếng khác.

d. Hoàn thành chương trình hai môn học Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

52.2. Công nhận tốt nghiệp:

a. Căn cứ biên bản và đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện quy định.

b. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm chủ tịch, trưởng Phòng Đào tạo làm thư ký và uỷ viên hội đồng là thủ trưởng các đơn vị đào tạo và Trưởng Phòng Chính trị và Công tác sinh viên.

Điều 53. Cấp bằng tốt nghiệp

53.1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo. Bằng chỉ được cấp cho sinh viên khi đã ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trên bằng và phải có ảnh của người được cấp. Xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học quy định tại “Điều 29” của Quy định này.

53.2. Sinh viên có kết quả học tập toàn khoá đạt loại xuất sắc hoặc giỏi, hạng tốt nghiệp sẽ bị giảm một bậc nếu rơi vào 1 trong các trường hợp sau:

a. Phải thi lại quá 5% tổng số tín chỉ quy định cho toàn khoá học.

b. Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo trở lên.

53.3 Kết quả học tập của sinh viên (kể cả lần thi lại) phải được ghi vào bảng điểm theo từng môn học. Trong bảng điểm ghi rõ ngành và chuyên ngành, ngành học chính và ngành học thứ 2 (nếu có).

53.4. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

53.5 Sinh viên không đủ điều kiện nhận bằng tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các môn học đã học trong chương trình đào tạo.

CHƯƠNG 8 **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 54. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, được áp dụng cho tất cả các khóa đào tạo hệ chính quy theo chương trình đã chuyển đổi sang tín chỉ. Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn có thể điều chỉnh một số quy định cho phù hợp với tình hình thực tế.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Nguyễn Văn Khánh

